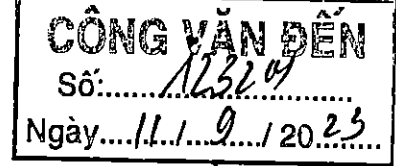


Số 118-QĐ/TW

Hà Nội, ngày 22 tháng 8 năm 2023



QUYẾT ĐỊNH

ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương

- Căn cứ Điều lệ Đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư khoá XIII;
- Xét đề nghị của Ban Dân vận Trung ương,

BAN BÍ THƯ QUYẾT ĐỊNH

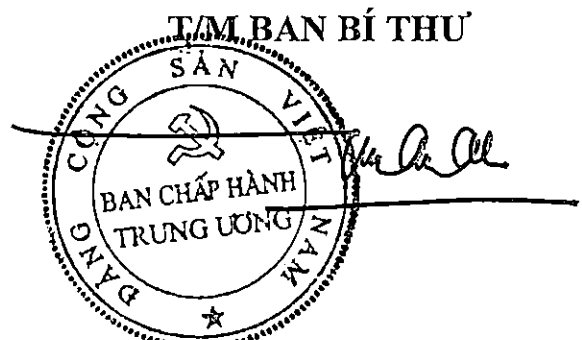
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương.

Điều 2. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị trực thuộc Trung ương và các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Quy chế này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quy định số 284-QĐ/TW, ngày 05/02/2010 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, cơ chế lựa chọn, bố trí cán bộ lãnh đạo, quản lý lĩnh vực văn hoá, văn học, nghệ thuật; Kết luận số 32-KL/TW, ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư về tiêu chuẩn, điều kiện đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
- Các hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.



Trương Thị Mai

QUY CHẾ

tổ chức và hoạt động của hội quần chúng
do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương
(Kèm theo Quyết định số 118-QĐ/TW, ngày 22/8/2023 của Ban Bí thư)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Quy chế này quy định tổ chức và hoạt động đối với hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở Trung ương (sau đây gọi tắt là hội) theo Phụ lục I.

Điều 2. Chức năng, nhiệm vụ của hội

Là tổ chức tự nguyện, tự quản, có chức năng, nhiệm vụ vận động, tuyên truyền, đoàn kết, tập hợp quần chúng theo lĩnh vực, nghề nghiệp; đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp Nhân dân; xây dựng và phát triển tổ chức, phát triển hội viên; là cầu nối giữa Đảng với các tầng lớp Nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Chương II

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 3. Các cơ quan lãnh đạo của hội

1. Đại hội toàn quốc

- Đại hội toàn quốc là cơ quan lãnh đạo cao nhất của hội, được tổ chức theo nhiệm kỳ 5 năm một lần hoặc bất thường trong trường hợp cần thiết. Ban chấp hành đương nhiệm triệu tập đại hội sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổ chức đại hội, văn kiện và nhân sự trình đại hội. Đại hội chỉ được tiến hành khi có trên 2/3 đại biểu triệu tập có mặt. Đại hội bất thường được tiến hành khi có kiến nghị của trên 2/3 uỷ viên ban chấp hành đương nhiệm và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện đối với đại biểu tham dự đại hội do ban chấp hành triệu tập quyết định; việc công nhận, không công nhận tư cách đại biểu do đại hội quyết định.

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết của nhiệm kỳ qua, quyết định phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhiệm kỳ tới; khi cần thiết sửa đổi, bổ sung điều lệ hội.

- Ban chấp hành đương nhiệm xây dựng đề án nhân sự đại hội, dự kiến cụ thể số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực hội và ban kiểm tra nhiệm kỳ mới, xin ý kiến cấp có thẩm quyền để trình đại hội xem xét, quyết định.

- Đại hội bầu ban chấp hành. Ban chấp hành bầu ban thường vụ hoặc đoàn chủ tịch, chủ tịch và các phó chủ tịch, ban kiểm tra và trưởng ban kiểm tra. Việc bầu cử thông qua bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết bằng hình thức giơ tay theo quy định của điều lệ hoặc quyết định của đại hội và báo cáo công khai kết quả trước đại hội, hội nghị ban chấp hành.

2. Ban chấp hành, ban thường vụ

- Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ đại hội. Ban thường vụ hoặc đoàn chủ tịch là cơ quan lãnh đạo giữa 2 kỳ họp ban chấp hành.

- Số lượng uỷ viên ban chấp hành, uỷ viên ban thường vụ do đảng đoàn (đối với hội có đảng đoàn), ban thường vụ hội (đối với hội không có đảng đoàn) căn cứ vào tính chất, phạm vi hoạt động, số lượng hội viên và thành viên của hội đề xuất khi xây dựng đề án nhân sự đại hội, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Quy trình giới thiệu nhân sự uỷ viên ban chấp hành, ban thường vụ, ban kiểm tra thực hiện đồng thời với quy trình giới thiệu nhân sự chủ tịch, phó chủ tịch, trưởng ban kiểm tra hội (theo Phụ lục II).

3. Thường trực hội

- Thường trực hội (gồm chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách) là cơ quan điều hành công việc hằng ngày của hội.

- Về số lượng phó chủ tịch: Hội có đảng đoàn được bố trí không quá 3 phó chủ tịch chuyên trách; hội không có đảng đoàn được bố trí không quá 2 phó chủ tịch chuyên trách. Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về tiêu chuẩn, điều kiện: Chủ tịch, phó chủ tịch hội phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định; có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có năng lực lãnh đạo, quản lý; có uy tín và kinh nghiệm công tác; đối với các hội chuyên ngành cần có chuyên môn phù hợp. Đối với lãnh đạo hội là người đã nghỉ hưu, nếu tiếp tục làm việc phải có đủ sức khoẻ, uy tín cao, được ban thường vụ, ban chấp hành đồng thuận, nhất trí giới thiệu.

- Về độ tuổi: Chủ tịch, phó chủ tịch hội là người đã nghỉ hưu thì tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử không quá 65 tuổi. Đối với chủ tịch hội, trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi, do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Về nhiệm kỳ: Chủ tịch, phó chủ tịch hội giữ chức vụ không quá 2 nhiệm kỳ liên tiếp; trường hợp đã giữ chức vụ 2 nhiệm kỳ liên tiếp mà chưa đến tuổi nghỉ hưu theo quy định thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 4. Thẩm quyền giới thiệu nhân sự

1. Nhân sự được giới thiệu ứng cử chủ tịch, phó chủ tịch, ban thường vụ hoặc đoàn chủ tịch, ban chấp hành hội phải được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Đối với hội có đảng đoàn: Ban Bí thư xem xét, cho ý kiến nhân sự giới thiệu bầu chủ tịch hội. Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội, Bộ Nội vụ và cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan xem xét, cho ý kiến nhân sự giới thiệu bầu phó chủ tịch hội (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý). Đảng đoàn của hội xem xét, giới thiệu các nhân sự còn lại sau khi xin ý kiến ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý).

3. Đối với hội không có đảng đoàn: Ban Tổ chức Trung ương chủ trì, phối hợp với ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội, Bộ Nội vụ và cấp uỷ, tổ chức đảng có liên quan xem xét, cho ý kiến nhân sự giới thiệu bầu chủ tịch, phó chủ tịch hội (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý). Ban thường vụ hội xem xét, giới thiệu nhân sự còn lại.

4. Đối với các hội là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam (gọi tắt là Liên hiệp Hội): Nhân sự bầu chủ tịch, phó chủ tịch hội do Đảng đoàn Liên hiệp Hội giới thiệu sau khi xin ý kiến ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo (trừ nhân sự thuộc thẩm quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý). Ban thường vụ hội xem xét, giới thiệu nhân sự còn lại.

Trường hợp bổ sung nhân sự trong nhiệm kỳ thực hiện quy trình như quy trình giới thiệu nhân sự đại hội.

Điều 5. Cơ quan tham mưu, giúp việc

Cơ quan tham mưu, giúp việc của hội gồm văn phòng và các ban, đơn vị chuyên môn do hội thành lập theo quy định của điều lệ hội.

Điều 6. Pháp nhân trực thuộc hội

Theo yêu cầu hoạt động, hội có thể thành lập một số pháp nhân theo quy định của pháp luật, phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động và điều kiện của hội.

Điều 7. Chế độ, chính sách đối với người làm việc thường xuyên tại hội

1. Người làm việc thường xuyên tại hội gồm: Chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách; người làm việc tại đơn vị tham mưu, giúp việc trong biên chế được giao; người làm việc theo hợp đồng.

2. Chế độ, chính sách đối với người làm việc thường xuyên tại hội:

- Người trong độ tuổi lao động được phân công, điều động đến làm việc tại hội theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và người được tuyển dụng trong chỉ tiêu biên chế của hội thì hưởng lương, phụ cấp và chế độ, chính sách khác theo quy định đối với cán bộ, công chức.

- Người đã nghỉ hưu giữ các chức danh lãnh đạo chuyên trách hội được hưởng thù lao theo quy định.

- Người làm việc theo hợp đồng (bao gồm cả những người đang hưởng lương hưu) được hưởng tiền công hoặc thù lao và chế độ, chính sách khác do hội quyết định, phù hợp với yêu cầu công việc và tài chính của hội.

3. Thời gian làm việc của người đã nghỉ hưu do hội quyết định nhưng không quá 10 năm kể từ ngày được hưởng lương hưu.

Điều 8. Tổ chức đảng ở hội

1. Tổ chức đảng ở hội gồm đảng đoàn, đảng bộ, chi bộ được thành lập theo quy định, là cầu nối giữa Đảng với hội viên của hội.

2. Đảng đoàn hội do Ban Bí thư thành lập, chịu sự lãnh đạo trực tiếp và thường xuyên của Ban Bí thư, thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ đạo đối với hội theo quy định của Điều lệ Đảng và các quy định, hướng dẫn của Trung ương.

3. Tập thể lãnh đạo hội không có đảng đoàn gồm ban thường vụ đảng uỷ (hoặc chi uỷ) và ban thường vụ hội thực hiện chức năng lãnh đạo, chỉ đạo đối với hội. Để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tổ chức đảng các hội sắp xếp, kiện toàn theo hướng bí thư là chủ tịch hội, phó bí thư là phó chủ tịch hội, các uỷ viên ban thường vụ đảng uỷ (hoặc chi uỷ) là lãnh đạo hội và cấp trưởng một số ban, đơn vị của hội.

4. Đảng bộ, chi bộ ở hội là tổ chức đảng trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương hoặc Đảng bộ thành phố Hà Nội.

5. Đảng viên là người làm việc thường xuyên tại hội phải tham gia sinh hoạt tại tổ chức đảng ở hội; đóng vai trò nòng cốt, nêu cao trách nhiệm, tinh thần tiên phong, gương mẫu của đảng viên sinh hoạt tại hội, nhất là người đứng đầu.

Chương III

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 9. Quyền của hội

1. Được cung cấp thông tin, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

2. Được tham gia ý kiến trong xây dựng cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và lĩnh vực hoạt động của hội.

3. Được giao thực hiện một số hoạt động chuyên môn, dịch vụ công phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội theo quy định.

4. Tham gia tư vấn, phản biện chính sách, chương trình, đề tài, dự án theo đề nghị của cơ quan nhà nước. Chủ trì hoặc tham gia đề tài, đề án liên quan đến lĩnh vực hoạt động của hội.

5. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao.

6. Được tổ chức một số hoạt động kinh tế; tiếp nhận nguồn lực hợp pháp trong nước và ngoài nước gắn với tôn chỉ, mục đích hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao; quan hệ hợp tác với tổ chức, cá nhân; tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân và một số cơ chế hợp tác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của hội

1. Phổ biến, tuyên truyền, vận động hội viên, các tầng lớp Nhân dân thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chủ trương, quyết định liên quan đến tổ chức, hoạt động của hội; tích cực tham gia các chương trình phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước; thực hiện nhiệm vụ do Đảng, Nhà nước giao, tăng cường đồng thuận xã hội.

2. Tổ chức hoạt động theo đúng tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của hội; chỉ đạo, quản lý chặt chẽ hoạt động của các pháp nhân trực thuộc hội; quản lý, sử dụng kinh phí, tài sản được giao, các loại quỹ theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ hội; chấp hành hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán của các cơ quan chức năng.

3. Phát triển, tập hợp, đoàn kết hội viên trong các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động; đại diện, bảo vệ, phản ánh, kiến nghị, phối hợp giải quyết quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, các tầng lớp Nhân dân.

4. Định kỳ 6 tháng, 1 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến các ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo, Văn phòng Trung ương Đảng, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (nếu hội là tổ chức thành viên), Bộ Nội vụ và bộ quản lý nhà nước đối với hội.

5. Xin ý kiến ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội về chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm và đại hội nhiệm kỳ; mời đại diện ban đảng, các cơ quan được phân công theo dõi, chỉ đạo hội dự họp đảng đoàn (đối với hội có đảng đoàn), dự họp ban thường vụ (đối với hội không có đảng đoàn).

6. Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập pháp nhân trực thuộc hội phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản tới ban đảng được phân công theo dõi, chỉ đạo hội và bộ quản lý nhà nước có liên quan.

Điều 11. Chế độ làm việc của hội

Hội làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số theo điều lệ hội. Các đơn vị tham mưu, giúp việc làm việc theo chế độ thủ trưởng.

Điều 12. Quan hệ công tác của hội

1. Hội hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng, thường xuyên và trực tiếp của Ban Bí thư; hướng dẫn, theo dõi và chỉ đạo của ban đảng được phân công; quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật (Phụ lục III).

Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ và tình hình thực tiễn, Đảng phân công cán bộ của ban đảng, cơ quan nhà nước tham gia đảng đoàn, giới thiệu bầu giữ chức phó chủ tịch hoặc ủy viên ban thường vụ hội.

2. Hội phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị, các địa phương trong tổ chức hoạt động.

Hội là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện hiệp thương thống nhất, phối hợp hành động (theo nghị quyết đã được hiệp thương thống nhất).

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Điều khoản thi hành

1. Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công các ban đảng theo dõi, chỉ đạo hoạt động hội phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; thành lập đảng đoàn đối với một số hội.

2. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật liên quan đến hội và quản lý, sử dụng tài sản, tài chính của hội.

3. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo công tác quản lý nhà nước; quyết định biên chế, kinh phí hoạt động, điều kiện làm việc, chế độ, chính sách của hội gắn với nhiệm vụ được giao.

4. Ban cán sự đảng các bộ, ngành Trung ương chỉ đạo công tác quản lý nhà nước đối với hội; thanh tra, kiểm tra hoạt động của hội và pháp nhân trực thuộc hội, xử lý nghiêm vi phạm.

5. Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ trực thuộc Trung ương chỉ đạo cụ thể hoá, sắp xếp, giao nhiệm vụ cho các hội quần chúng phù hợp với điều kiện, yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

6. Đảng đoàn, tập thể lãnh đạo các hội chỉ đạo quán triệt, cụ thể hoá, tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế.

7. Ban Tổ chức Trung ương theo dõi, hướng dẫn công tác nhân sự đối với hội; Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương chủ trì hướng dẫn tổ chức, hoạt động và quản lý đảng viên trong đảng bộ, chi bộ ở hội.

8. Ban Dân vận Trung ương chủ trì, phối hợp với các ban đảng Trung ương và các cơ quan liên quan theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát và tổng hợp kết quả thực hiện Quy chế, định kỳ báo cáo Ban Bí thư.

Phụ lục I
CÁC HỘI QUẢN CHÚNG DO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC
GIAO NHIỆM VỤ Ở TRUNG ƯƠNG

1. Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam
 2. Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam
 3. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam
 4. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
 5. Liên minh Hợp tác xã Việt Nam
 6. Hội Chữ thập đỏ Việt Nam
 7. Hội Nhà báo Việt Nam
 8. Hội Nhà văn Việt Nam
 9. Hội Luật gia Việt Nam
 10. Liên đoàn Luật sư Việt Nam
 11. Hội Người cao tuổi Việt Nam
 12. Hội Đông y Việt Nam
 13. Hội Kiến trúc sư Việt Nam
 14. Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam
 15. Hội Mỹ thuật Việt Nam
 16. Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam
 17. Tổng hội Y học Việt Nam
 18. Hội Nhạc sĩ Việt Nam
 19. Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam
 20. Hội Khoa học lịch sử Việt Nam
 21. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam
 22. Hội Người mù Việt Nam
 23. Hội Điện ảnh Việt Nam
 24. Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam
 25. Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam
 26. Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam
 27. Hội Khuyến học Việt Nam
 28. Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam
 29. Hội Xuất bản Việt Nam
 30. Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam
-

Phụ lục II

QUY TRÌNH NHÂN SỰ

1. Xin chủ trương

- Khi chuẩn bị đại hội theo nhiệm kỳ, đảng đoàn hoặc ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) thảo luận, thống nhất xin chủ trương cấp có thẩm quyền về đề án nhân sự, trong đó nêu rõ cơ cấu, số lượng ban chấp hành, ban thường vụ, lãnh đạo hội khoá mới. Sau khi cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương, đảng đoàn hoặc ban thường vụ triển khai quy trình giới thiệu nhân sự các bước theo quy định.

- Việc giới thiệu nhân sự để bầu cử bổ sung trong nhiệm kỳ:

Đối với chức danh chủ tịch hội: Phải xin chủ trương của cấp có thẩm quyền trước khi thực hiện quy trình nhân sự.

Đối với chức danh phó chủ tịch hội: Nếu dự kiến bầu cử trong số lượng đã được cấp có thẩm quyền cho chủ trương trước khi đại hội và từ nguồn nhân sự tại chỗ thì đảng đoàn hoặc ban thường vụ hội thảo luận thống nhất cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, dự kiến phân công công tác và tiến hành quy trình giới thiệu nhân sự các bước theo quy định, không phải xin lại chủ trương. Nếu dự kiến bầu cử số lượng phó chủ tịch nhiều hơn quy định hoặc từ nguồn nhân sự bên ngoài thì xin chủ trương cấp có thẩm quyền.

Các hội có đảng đoàn xin chủ trương Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương). Các hội không có đảng đoàn là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam xin chủ trương của Đảng đoàn Liên hiệp các Hội. Các hội khác báo cáo ban đảng theo dõi, chỉ đạo hội trước khi xin chủ trương của Ban Tổ chức Trung ương.

2. Giới thiệu nhân sự

2.1. Đối với nguồn nhân sự tại chỗ

Bước 1. Sau khi cấp có thẩm quyền cho chủ trương, đảng đoàn hoặc ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) căn cứ vào quy hoạch cán bộ và nguồn nhân sự để thảo luận, thống nhất số lượng (kể cả số dư nếu có), cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, quy trình giới thiệu nhân sự và danh sách nhân sự đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

Bước 2. Hội nghị cán bộ chủ chốt, gồm: Ủy viên ban chấp hành, người đứng đầu và cấp phó của các tổ chức thành viên, cơ quan, đơn vị trực thuộc hội; cấp ủy viên, trưởng các đoàn thể của hội căn cứ vào quy hoạch cán bộ, nguồn nhân sự và chủ trương của Bước 1, tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự.

Người có số phiếu cao nhất trên 50% sẽ được giới thiệu ở Bước 3. Kết quả lấy từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng và số dư (nếu có) đã thống nhất (*kết quả giới thiệu không công bố tại hội nghị*).

Bước 3. Ban chấp hành hội căn cứ vào quy hoạch cán bộ, nguồn nhân sự và kết quả giới thiệu nhân sự ở Bước 2, tiến hành ghi phiếu giới thiệu nhân sự. Người có số phiếu cao nhất trên 50% được giới thiệu ở Bước 4 (*kết quả không công bố tại hội nghị*).

Bước 4. Ban thường vụ hội thảo luận về kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước và ghi phiếu giới thiệu nhân sự. Đối với các hội không có đảng đoàn, Bước 4 là bước kết thúc quy trình giới thiệu nhân sự. Ban thường vụ giải quyết những vấn đề phát sinh trước khi quyết định ghi phiếu giới thiệu nhân sự; người có số phiếu giới thiệu cao nhất trên 50% được ban thường vụ đưa vào danh sách xin ý kiến hiệp y của cấp ủy cơ quan hội và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giới thiệu (*kết quả công bố tại hội nghị*).

Bước 5. Áp dụng cho các hội có đảng đoàn. Sau khi ban thường vụ giới thiệu nhân sự, đảng đoàn thảo luận kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước (cán bộ chủ chốt, ban chấp hành, ban thường vụ); giải quyết những vấn đề phát sinh trước khi quyết định ghi phiếu giới thiệu nhân sự; đảng đoàn giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín, người có số phiếu giới thiệu cao nhất trên 50% được đưa vào danh sách xin ý kiến hiệp y của cấp ủy cơ quan hội và báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, giới thiệu theo phân cấp quản lý cán bộ (*kết quả công bố tại hội nghị*).

2.2. Đối với nhân sự từ nguồn bên ngoài khi xem xét, bổ sung

Bước 1. Đảng đoàn hoặc ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) thảo luận, thống nhất số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện nhân sự trình cấp có thẩm quyền cho chủ trương giới thiệu nhân sự từ nguồn bên ngoài.

Bước 2. Sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý chủ trương, đảng đoàn hoặc ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) làm việc với cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ xin ý kiến thống nhất.

Bước 3. Đảng đoàn hoặc ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) làm việc với nhân sự trao đổi về dự kiến giới thiệu ứng cử. Nếu cán bộ đồng ý thì hoàn thiện hồ sơ nhân sự để đảng đoàn hoặc ban thường vụ hội báo cáo, xin ý kiến ban chấp hành hội.

Bước 4. Nếu được trên 50% uỷ viên ban chấp hành đồng ý, đảng đoàn, ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) trình cấp có thẩm quyền xem xét, giới thiệu ứng cử.

2.3. Đối với nhân sự bên ngoài thuộc thẩm quyền giới thiệu của Ban Bí thư và Ban Tổ chức Trung ương

Bước 1. Ban Tổ chức Trung ương làm việc, thống nhất với đảng đoàn, ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) và ban đảng Trung ương theo dõi, chỉ đạo hội về chủ trương điều động, giới thiệu cán bộ ứng cử từ bên ngoài.

Bước 2. Ban Tổ chức Trung ương làm việc với cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý cán bộ về dự kiến giới thiệu nhân sự.

Bước 3. Ban Tổ chức Trung ương làm việc với nhân sự về dự kiến giới thiệu.

Bước 4. Trên cơ sở ý kiến của nơi đến, nơi đi và nhân sự, Ban Tổ chức Trung ương giới thiệu nhân sự ứng cử phó chủ tịch hội (hội có đảng đoàn), chủ tịch hội (hội không có đảng đoàn), trình Ban Bí thư giới thiệu nhân sự ứng cử chủ tịch hội (hội có đảng đoàn). Trường hợp nơi đến, nơi đi và nhân sự chưa thống nhất, Ban Tổ chức Trung ương vẫn có thể giới thiệu nhân sự hoặc trình Ban Bí thư giới thiệu nhân sự theo thẩm quyền.

2.4. Đối với nhân sự bên ngoài thuộc thẩm quyền giới thiệu của đảng đoàn, ban thường vụ hội

Đảng đoàn, ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) thảo luận thống nhất số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, dự kiến phân công công tác; sau đó làm việc thống nhất với cơ quan quản lý cán bộ nơi đi, nơi đến và nhân sự trước khi giới thiệu nhân sự ứng cử theo thẩm quyền.

3. Trình cấp có thẩm quyền giới thiệu nhân sự, tổ chức bầu cử

3.1. Trình cấp có thẩm quyền giới thiệu nhân sự

Các hội có đảng đoàn trình Ban Bí thư (qua Ban Tổ chức Trung ương). Các hội không có đảng đoàn là thành viên của Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam, Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam trình Đảng đoàn Liên hiệp các Hội. Các hội còn lại xin ý kiến ban đảng theo dõi, chỉ đạo hội và trình Ban Tổ chức Trung ương.

3.2. Tổ chức bầu cử

- Đại hội bầu cử ban chấp hành: Sau khi được cấp có thẩm quyền đồng ý đề án nhân sự đại hội, ban chấp hành đương nhiệm tổ chức đại hội và tiến hành bầu cử ban chấp hành theo điều lệ hội.

- Ban chấp hành bầu cử ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch hội: Sau khi cấp có thẩm quyền giới thiệu nhân sự, ban chấp hành bầu ban thường vụ, chủ tịch, phó chủ tịch theo điều lệ hội. Tại hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất, chủ tịch hội khoá cũ tái cử là triệu tập viên và chủ trì hội nghị. Nếu chủ tịch hội khoá cũ không tái cử thì một phó chủ tịch hội khoá cũ tái cử là triệu tập viên và chủ trì hội nghị. Nếu chủ tịch, các phó chủ tịch hội khoá cũ không tái cử thì một uỷ viên ban thường vụ khoá cũ tái cử là triệu tập viên và chủ trì hội nghị. Trong trường hợp không có uỷ viên ban thường vụ khoá cũ tái cử thì người có số phiếu trúng cử ban chấp hành khoá mới cao nhất là triệu tập viên và chủ trì hội nghị. Tại hội nghị, người chủ trì thông báo ý kiến giới thiệu nhân sự của cấp có thẩm quyền; xin ý kiến các uỷ viên ban chấp hành về việc ứng cử, đề cử nhân sự.

Tại đại hội, nhân sự được đề cử bổ sung nếu là uỷ viên ban chấp hành thì nhân sự đó phải thực hiện nghị quyết của tập thể mà mình là thành viên. Nhân sự khác được đề cử đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì đưa vào danh sách bầu cử. Người đề cử phải cam kết biết rõ nhân thân và bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện của nhân sự mà mình đề cử. Sau đại hội, nhân sự hoàn thiện hồ sơ nhân sự để thẩm định. Sau khi thẩm định, hồ sơ nhân sự bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện thì cơ quan tổ chức - cán bộ hội lưu trữ theo quy định. Nếu phát hiện nhân sự không đủ tiêu chuẩn, điều kiện thì cơ quan thẩm định báo cáo ban thường vụ hội trình ban chấp hành không công nhận kết quả bầu cử tại kỳ họp gần nhất.

4. Hồ sơ nhân sự trình cấp có thẩm quyền giới thiệu nhân sự

4.1. Hồ sơ nhân sự, gồm: Tờ trình của đảng đoàn hoặc ban thường vụ (hội không có đảng đoàn) gửi cơ quan có thẩm quyền, kèm theo biên bản tổng hợp kết quả giới thiệu nhân sự ở các bước và:

- Bản sao giấy khai sinh.
- Giấy khám sức khoẻ trong thời hạn 6 tháng do bệnh viện đa khoa cấp huyện trở lên cấp và kết luận đủ sức khoẻ để công tác.
- Sơ yếu lý lịch 2C cá nhân tự khai, cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xác nhận.
- Bản sao có chứng thực các loại văn bằng chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học... Nếu là văn bằng nước ngoài cấp thì phải làm thủ tục công nhận văn bằng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Bản kê khai tài sản có chữ ký từng trang của người khai, chữ ký của người khai và người nhận bản kê khai.
- Nhận xét của chi uỷ nơi công tác.

- Nhận xét của chi uỷ nơi cư trú.
- Nhận xét của đảng uỷ cơ quan nơi công tác.
- Nhận xét của đảng đoàn, lãnh đạo cơ quan về kết quả công tác 3 năm gần nhất.
- Kết luận về tiêu chuẩn chính trị của đảng đoàn hoặc lãnh đạo cơ quan đối với nhân sự. Nếu nhân sự có vợ, chồng, con học tập, sinh sống ở nước ngoài thì báo cáo rõ ở đâu, làm gì, học bằng nguồn kinh phí nào, tổ chức, cá nhân nào tài trợ.

4.2. Một số yêu cầu trong thực hiện quy trình nhân sự

- Sau khi có chủ trương của cấp có thẩm quyền, trong thời hạn 15 ngày (không tính ngày nghỉ và ngày nghỉ lễ theo quy định), đảng đoàn hoặc ban thường vụ hội phải triển khai quy trình giới thiệu nhân sự. Trường hợp đặc biệt, không thể triển khai được, quá thời hạn 6 tháng thì phải báo cáo rõ lý do và xin lại chủ trương của cấp có thẩm quyền.

- Đại hội và hội nghị có giá trị khi có từ 2/3 trở lên đại biểu triệu tập có mặt. Trong điều kiện phòng, chống dịch bệnh hoặc trường hợp đặc biệt, đảng đoàn hoặc ban thường vụ hội có thể tổ chức đại hội, hội nghị trực tiếp hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến hoặc gửi phiếu giới thiệu nhân sự, phiếu bầu cử cho từng đại biểu. Việc kiểm phiếu giới thiệu nhân sự, phiếu bầu cử phải bảo đảm khách quan, trung thực, có sự giám sát của cơ quan chức năng và bảo đảm yêu cầu giữ bí mật để đại biểu thể hiện trách nhiệm và chính kiến của mình.

- Phiếu giới thiệu nhân sự do ban kiểm phiếu phát cho đại biểu. Khi ghi phiếu giới thiệu nhân sự, đại biểu đánh dấu vào ô đồng ý hoặc không đồng ý trong danh sách nhân sự hoặc viết họ tên nhân sự do mình giới thiệu ngoài danh sách đủ tiêu chuẩn, điều kiện. Đại biểu có thể ký tên hoặc không ký tên vào phiếu. Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, thu về và số lượng nhân sự được giới thiệu (trong danh sách hoặc giới thiệu thêm ngoài danh sách) không vượt quá số lượng quy định. Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu giới thiệu nhân sự vượt quá số lượng quy định hoặc phiếu không giới thiệu ai.

Trường hợp phiếu giới thiệu nhân sự không vượt quá số lượng quy định, trong đó có người được giới thiệu hợp lệ và có người được giới thiệu không hợp lệ thì vẫn tính kết quả cho người được giới thiệu hợp lệ và không tính kết quả cho người được giới thiệu không hợp lệ.

- Phiếu bầu cử do ban kiểm phiếu phát cho từng đại biểu. Khi bỏ phiếu bầu cử, đại biểu đánh dấu vào ô đồng ý hoặc không đồng ý trong danh sách nhân sự. Đại biểu không ký tên hoặc viết chữ, đánh dấu không đúng quy định vào phiếu bầu cử. Phiếu hợp lệ là phiếu do ban kiểm phiếu phát ra, thu về, số lượng nhân sự được bầu cử không vượt quá số lượng quy định. Trường hợp phiếu bầu cử không có ô đồng ý và ô không đồng ý thì đại biểu gạch họ và tên người mà mình không đồng ý trong danh sách bầu cử. Phiếu không hợp lệ là phiếu không do ban kiểm phiếu phát ra, phiếu ký tên hoặc đánh dấu không đúng quy định, phiếu bầu cử vượt quá số lượng nhân sự quy định hoặc phiếu không bầu cho ai. Trường hợp phiếu bầu số lượng nhân sự không vượt quá quy định, trong đó có người được bầu cử hợp lệ và có người được bầu cử không hợp lệ thì vẫn tính kết quả cho người được bầu cử hợp lệ và không tính kết quả cho người được bầu cử không hợp lệ.

- Kết quả giới thiệu nhân sự, bầu cử cho từng người được tính bằng tỉ lệ phần trăm (%) trên tổng số đại biểu triệu tập dự đại hội, hội nghị hoặc tổng số phiếu đã gửi đại biểu (trường hợp không tổ chức hội nghị).

- Người có số phiếu cao trên 50% lấy từ cao xuống thấp để đưa vào danh sách nhân sự giới thiệu ở bước tiếp theo. Trường hợp không có người đạt trên 50% số phiếu giới thiệu thì đảng đoàn hoặc ban thường vụ thảo luận, có thể lấy kết quả từ cao xuống thấp cho đến khi đủ số lượng và số dư đã thống nhất đưa vào danh sách nhân sự giới thiệu ở bước tiếp theo, hoặc dừng việc thực hiện quy trình giới thiệu nhân sự từ nguồn tại chỗ, đề nghị cấp có thẩm quyền giới thiệu nhân sự từ nguồn bên ngoài.

- Số lượng danh sách nhân sự bầu cử ban chấp hành tại đại hội và danh sách nhân sự bầu cử ban thường vụ tại hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất, có số dư không quá 30% so với số lượng ban chấp hành, ban thường vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ban chấp hành đương nhiệm giới thiệu số dư 15%, đại biểu dự đại hội, hội nghị ban chấp hành lần thứ nhất giới thiệu 15%. Khi tính tỉ lệ% mà có số dư lẻ người thì tính tròn 1 người và danh sách bầu cử có thể cao hơn số dư 30%.

Phụ lục III
CÁC BAN ĐẢNG ĐƯỢC PHÂN CÔNG THEO DÕI,
CHỈ ĐẠO VÀ CÁC BỘ CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
ĐỐI VỚI HỘI

TT	Tên hội	Ban đảng Trung ương theo dõi, chỉ đạo hội	Bộ có chức năng quản lý nhà nước đối với hội
1	Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Liên hiệp các Hội Văn học nghệ thuật Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
3	Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam	Ban Đối ngoại Trung ương	Bộ Ngoại giao
4	Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	Ban Kinh tế Trung ương	Bộ Công Thương
5	Liên minh Hợp tác xã Việt Nam	Ban Kinh tế Trung ương	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Nội vụ
7	Hội Nhà báo Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Thông tin và Truyền thông
8	Hội Nhà văn Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
9	Hội Luật gia Việt Nam	Ban Nội chính Trung ương	Bộ Tư pháp
10	Liên đoàn Luật sư Việt Nam	Ban Nội chính Trung ương	Bộ Tư pháp
11	Hội Người cao tuổi Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
12	Hội Đông y Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Y tế
13	Hội Kiến trúc sư Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Xây dựng
14	Hội Cựu thanh niên xung phong Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

TT	Tên hội	Ban đảng Trung ương theo dõi, chỉ đạo hội	Bộ có chức năng quản lý nhà nước đối với hội
15	Hội Mỹ thuật Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
16	Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
17	Tổng hội Y học Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Y tế
18	Hội Nhạc sĩ Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
19	Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
20	Hội Khoa học lịch sử Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Khoa học và Công nghệ
21	Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
22	Hội Người mù Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
23	Hội Điện ảnh Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
24	Hội Nghệ sĩ múa Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
25	Hội Văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
26	Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ mồ côi Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
27	Hội Khuyến học Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Giáo dục và Đào tạo
28	Hội Cứu trợ trẻ em tàn tật Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
29	Hội Xuất bản Việt Nam	Ban Tuyên giáo Trung ương	Bộ Thông tin và Truyền thông
30	Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam	Ban Dân vận Trung ương	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội